**Phụ lục I**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT GIAI ĐOẠN 2023-2030**

*(Kèm theo Công văn số /BNN-TCCB ngày /10/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

| **Số TT** | **Nội dung/Tiêu chí/**  **Tiêu chí thành phần** | **Cách chấm điểm** | **Tài liệu kiểm chứng**  **(TLKC)** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | TCTP 1.1. Thực hiện kế hoạch CCHC của đơn vị | Điểm đạt được tính điểm theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch  b là số nhiệm vụ đã hoàn thành  Nếu tỷ lệ b/a<0.8 thì điểm đánh giá là 0 | - Kế hoạch CCHC;  - Báo cáo CCHC  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TC 1.2. Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ | Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định,  - Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo theo quy định thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu không đáp ứng một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo thì điểm đánh giá là 0. | Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm của đơn vị |
|  | TCTP 1.3.1. Thực hiện Kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm của Bộ | Yêu cầu: Kế hoạch kiểm tra CCHC của đơn vị, hoặc thực hiện theo Kế hoạch kiểm tra CCHC của Bộ; báo cáo tự kiểm tra hoặc báo cáo Đoàn kiểm tra theo đúng yêu cầu, quy định.  - Có thực hiện tự kiểm tra CCHC hoặc được kiểm tra theo kế hoạch của Bộ thì đánh giá 0.5 điểm;  - Không thực hiện kiểm tra/không có báo cáo tự kiểm tra thì đánh giá 0 điểm | Báo cáo kiểm tra/tự kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra |
|  | TCTP 1.3.2. Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Điểm đạt được tính điểm theo công thức: **(b/a)\*1.50 + (c/a)\*1.00**.  Trong đó:  a là tổng số vấn đề phải xử lý  b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý  c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành.  Trường hợp a = 0 thì đạt 1.50 điểm. | - Các thông báo kết luận kiểm tra.  - Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 1.4. Công tác tuyên truyền CCHC | - Nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong ba hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của đơn vị, Bộ; (3) tuyên truyền CCHC trên phát thanh, truyền hình thì điểm đánh giá là 0.5.  - Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC, tọa đàm CCHC, sân khấu hóa, hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0.5.  - Không có hình thức tuyên truyền CCHC thì điểm đánh giá là 0 | - Các báo cáo CCHC định kỳ;  - Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website.  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TC 1.5. Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC | - Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau:  + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong NỘI BỘ của đơn vị hoặc của Bộ.  + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của đơn vị hoặc của Bộ,  - Nếu có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1.0; không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0. | - Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC.  - Các văn bản, báo cáo, đánh giá kết quả, hiệu quả hoặc văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) |
|  | TCTP 1.6.1 Thực hiện nhiệm vụ Bộ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao | Không bắt buộc tự chấm điểm đối với tiêu chí này. Văn phòng Thường trực CCHC sẽ căn cứ vào Báo cáo thống kê của Văn phòng Bộ và các tài liệu liên quan để chấm theo thang bảng điểm đã quy định. | - Báo cáo kết quả thực hiện |
|  | TCTP 1.6.2 Mức độ hoàn thành các chương trình/kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ | Điểm đạt được tính điểm theo công thức: **(b/a)\*1.50 + (c/a)\*0.50.**  Trong đó:  a là tổng số nhiệm vụ được giao  b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ  c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ | - Chương trình, kế hoạch hành động của Bộ triển khai thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của Bộ  - Bảng thống kê tổng số nhiệm vụ của đơn vị được giao trong chương trình/kế hoạch Bộ giao  - Tài liệu chứng minh các nhiệm vụ đã hoàn thành |
|  | TC 2.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VPQPPL) theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt | - Yêu cầu thống kê:  + **Tổng số VBQPPL dự kiến ban hành** theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm, gồm có: Các luật, pháp lệnh, nghị định, các Thông tư dự kiến ban hành). Đối với các văn bản do đơn vị tham mưu ban hành, thời gian hoàn thành được tính từ thời điểm trình cấp có thẩm quyền ban hành.  + **Số VBQPPL đã được ban hành** hoặc đã được trình cấp có thẩm quyền trong năm.  - Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được ban hành theo thẩm quyền hoặc đã trình cấp có thẩm quyền ban hành so với số VBQPPL dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm. Nếu:  + Hoàn thành 100% kế hoạch, đúng tiến độ thì điểm đánh giá là 2.0  + Hoàn thành 100% kế hoạch, nhưng có văn bản hoàn thành muộn so với tiến độ được giao thì điểm đánh giá là 1.5  + Hoàn thành từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5  + Hoàn thành dưới 80% thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo kết quả xây dựng VBQPPL của đơn vị (thống kê cụ thể danh mục, tình hình và kết quả)  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TC 2.2. Thực hiện đánh giá tác động của TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL | Yêu cầu: Thực hiện đánh giá TTHC của dự án, dự thảo VBQPPL và các biểu mẫu đánh giá tác động của tTHC theo đúng quy định của pháp luật. Trong đó, đánh giá đầy đủ số TTHC quy định tại dự án, dự thảo VBQPPL và nội dung đánh giá đảm bảo yêu cầu theo đúng quy định.  - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu có thực hiện nhưng không đầy đủ một trong các yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.25 | - Báo cáo đánh giá TTHC của dự án, dự thảo VBQPPL và các biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC dối với từng dự án, dự thảo VBQPPL.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 2.3.1. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL) | - Nếu thực hiện đầy đủ 02 hoạt động theo dõi THPL theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành thì điểm đánh giá là 1.0, cụ thể như sau:  + Có thực hiện công tác kiểm tra tình hình THPL thì được 0.5 điểm.  + Có thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát THPL thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm.  - Nếu hoạt động nào không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với hoạt động đó.  - Nếu Báo cáo kết quả TDTHPL định kỳ hàng năm không đáp ứng yêu cầu về nội dung hoặc thời gian theo quy định thì TRỪ 10% tổng số điểm đạt được của Tiêu chí thành phần này. | - Báo cáo kết quả TDTHPL hoặc lồng ghép trong báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Pháp chế (do Vụ Pháp chế cung cấp).  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 2.3.2. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền | - Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các đơn vị xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.  - Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.5; không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.  - Nếu Báo cáo kết quả TDTHPL định kỳ hàng năm không đáp ứng yêu cầu về nội dung hoặc thời gian theo quy định thì TRỪ 10% tổng số điểm đạt được của tiêu chí thành phần này. | - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật hoặc lồng ghép trong báo cáo CCHC của đơn vị.  - Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Pháp chế (do Vụ Pháp chế cung cấp).  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 2.4.1. Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Nếu đề xuất công bố kịp thời, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5  Nếu đề xuất công bố không kịp thời, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 | Các văn bản đề xuất, công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|  | TC 2.4.2. Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát | Thống kê tổng số văn bản cần phải xử lý sau rà soát và số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.  - Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a)\*điểm tối đa.**  Trong đó:  a là tổng số văn bản cần xử lý  b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý  Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa (1.0 điểm).  - Nếu Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL không đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo quy định thì TRỪ 10% tổng số điểm đạt được của Tiêu chí thành phần này. | - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của đơn vị.  - Các văn bản xử lý VBQPPL sau rà soát.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Pháp chế.  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 2.5.1. Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền | Nếu có tổ chức kiểm tra văn bản theo thẩm quyền (có danh mục văn bản đã kiểm tra và kết quả kiểm tra) thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu không kiểm tra văn bản theo thẩm quyền (trường hợp có kiểm tra nhưng không có danh mục văn bản đã kiểm tra hoặc kết quả kiểm tra thì được xem là chưa thực hiện việc kiểm tra) thì điểm đánh giá là 0.  - Nếu Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL không đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo quy định thì TRỪ 10% tổng số điểm đạt được của Tiêu chí thành phần này. | - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của đơn vị.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Pháp chế.  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 2.5.2. Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra | Thống kê tổng số văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra và số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.  - Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số văn bản cần xử lý  b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý  Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa (1.0 điểm).  - Nếu Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL không đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo quy định thì TRỪ 10% tổng số điểm đạt được của Tiêu chí thành phần này. | - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của đơn vị.  - Các văn bản xử lý VBQPPL trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra do Vụ Pháp chế cung cấp).  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 2.6.1. Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra | Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:  - 100% thì điểm đánh giá là 0.5  - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.25  - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0. | - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra.  - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra |
|  | TCTP 2.6.2. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra | - Yêu cầu thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.  - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. | - Các quyết định kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra, kiểm tra của đơn vị  - Báo cáo kết quả kiểm tra. |
|  | TC. 2.7. Trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của đơn vị | Điểm đánh giá được tính theo công thức: **(b/a)\*1.00 + (c/a)\*0.50.** Trong đó:  a là tổng số kiến nghị phải trả lời  b là số kiến nghị đã được trả lời  c là số kiến nghị đang trả lời (có dự thảo).  Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa (1.0 điểm) | - Báo cáo trong nội dung báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế, Văn phòng Thường trực CCHC  - Danh mục kiến nghị đã tiếp nhận trong năm, kèm tiến độ, kết quả trả lời  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TC. 2.8. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành | - Điểm đánh giá được tính theo công thức: **(b/a)\* điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch  b là số nhiệm vụ đã hoàn thành  Nếu tỷ lệ b/a<0.8 thì điểm đánh giá là 0  - Nếu Báo cáo kết quả xây dựng TC, QC của đơn vị không đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo quy định thì TRỪ 10% tổng số điểm đạt được của Tiêu chí thành phần này. | - Báo cáo kết quả xây dựng TC, QC của đơn vị;  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ KHCN và MT.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.1.1. Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền | - Nếu trong năm đơn vị không ban hành các quy định TTHC (nội dung, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, tờ khai, điều kiện thực hiện …) trái thẩm quyền được giao thì điểm đánh giá là 0.5;  - Nếu có ban hành các quy định TTHC trái thẩm quyền được giao thì điểm đánh giá là 0. | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.1.2. Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC | Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC. Nếu tỷ lệ này đạt:  - 100% thì điểm đánh giá là 0.5  - Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0. | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.1.3. Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát | Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a)\*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số vấn đề phát hiện qua rà soát  b là số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý  Trường hợp tỷ lệ b/a <0.8 thì điểm đánh giá là 0  Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa (1.5 điểm)  Trường hợp thực hiện rà soát không đáp ứng theo yêu cầu quy địnhthì điểm đánh giá là 0  Các vấn đề tổng hợp qua rà soát bao gồm cả việc thực hiện rà soát điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020; rà soát TTHC nội bộ; thực thi phương án phân cấp giải quyết TTHC… | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.2.1. Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ | - Yêu cầu: Các quyết định công bố TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ phải được ban hành chậm nhất trước 20 (hai mươi) ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC.  - Nếu 100% số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của đơn vị được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu dưới 100% số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của đơn vị được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 0. | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.2.2. Nhập đăng tải TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố | Yêu cầu: TTHC phải được cập nhật, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có trong hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.  - Nếu 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thì điểm đánh giá là 1.0;  - Nếu dưới 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời thì điểm đánh giá là 0. | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.2.3 Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC | Yêu cầu: Ban hành quy trình nội bộ của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  - Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu từ 80% - dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu dưới 80% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 0 | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.2.4. Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ | - Nếu 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tích hợp, công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC của Bộ và Website của đơn vị thì đạt: 0.25  - Nếu 100% số TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc có tiếp nhận, giải quyết TTHC thì được CỘNG THÊM 0.25 điểm  - Nếu tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng DVC của Bộ thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm  - Nếu nội dung nào không đáp ứng được yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 0 tương ứng thang điểm nội dung đó. | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.3.1 Tổ chức và hoạt động của bộ phận Một cửa | - Nếu đã thành lập và vận hành đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu đã thành lập nhưng chưa nhưng chưa đáp ứng theo quy địnhthì điểm đánh giá là 0.25  - Nếu chưa thành lập thì điểm đánh giá là 0 | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.3.2 Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại bộ phận một cửa | - Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thì điểm đánh giá là 0.5.  - Nếu dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thì điểm đánh giá là 0.  - Trường hợp TTHC không đủ điều kiện đưa ra thực hiện tại Bộ phận một cửa theo quy định thì đề nghị giải trình và cung cấp danh mục cụ thể | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.3.3 Công bố nhóm TTHC liên thông trong phạm vi lĩnh vực quản lý | - Yêu cầu: Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Điều 4, Thông tư 01/2018/TT-VPCP. (Trường hợp đã rà soát nhưng không có nhóm TTHC liên thông phải công bố đề nghị có giải trình cụ thể).  - Nếu rà soát, công bố và cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu chưa rà soát, công bố hoặc không cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0 | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.4.1 Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định | Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm  b là số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn  Trường hợp tỷ lệ b/a <0.95 thì điểm đánh giá là 0 | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.4.2 Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC | - Nếu thực hiện việc xin lỗi đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu thực hiện việc xin lỗi không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0  - Trường hợp không có hồ sơ TTHC trễ hẹn trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.5 | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.4.3 Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC | Yêu cầu: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và các văn bản có liên quan.  - Nếu 100% đơn vị trực thuộc đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu từ 80% - dưới 100% đơn vị trực thuộc đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.25  - Dưới 80% đơn vị trực thuộc đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0  - Nếu thực hiện đánh giá và công khai kết quả đánh giá không đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 0 đối với cả TCTP này. | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 3.5.1. Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị | Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số kiến nghị phải trả lời  b là số kiến nghị đã được trả lời  Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa (1.0 điểm). | - Danh sách PAKN liên quan đơn vị đã tiếp nhận trực tiếp và PAKN do Văn phòng Bộ tiếp nhận, yêu cầu Bộ giải quyết  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 3.5.2. Công khai kết quả trả lời PAKN của của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của đơn vị | - Nếu 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0 | - Kết quả theo dõi của VP Bộ.  - TLKC khác (nếu có). |
|  | TCTP 4.1.1. Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc và trực thuộc | - Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các đơn vị và tổ chức trực thuộc theo quy định, hướng dẫn của Bộ, Bộ Nội vụ và các văn bản khác liên quan  + Nếu 100% đúng quy định thì điểm đánh giá là 1.5  + Nếu từ 80% - dưới 100% đúng quy định thì điểm đánh giá là 1.0  + Nếu dưới 80% đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 4.1.2. Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị và tổ chức bên trong của đơn vị theo các tiêu chí | - Yêu cầu: Cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, Nghị định số 101/2020/NĐ-CP, Nghị định số 105/2022/NĐ-CP và quy định của Bộ, Bộ Nội vụ và các văn bản có liên quan  + Nếu 100% các đơn vị có cơ cấu số lượng lãnh đạo, quản lý đáp ứng các tiêu chí quy định thì điểm đánh giá là 0.5  + Nếu 100% tổ chức bên trong các đơn vị có cơ cấu số lượng lãnh đạo, quản lý đáp ứng các tiêu chí thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0.5 điểm | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá về công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 4.2.1. Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính | Nếu số lượng biên chế hành chính của đơn vị đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 4.2.2. Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc đơn vị | - Yêu cầu: Thống kê tổng số người làm việc thực tế (đang hưởng lương ngân sách nhà nước) tại các đơn vị SNCL trực thuộc so với tổng số người làm việc tại các đơn vị SNCL thuộc đơn vị được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.  Nếu số lượng người làm việc đang sử dụng tại các đơn vị SNCL thuộc đơn vị không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 4.3.1 Thực hiện các quy định pháp luật về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước lĩnh vực được giao | Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 và các văn bản, chỉ đạo của Bộ về thực hiện phân cấp, phân quyền, các đơn vị xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện; chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý.  - Nếu thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu thực hiện không đầy đủ, hoặc không kịp thời thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo về các nội dung phân cấp, phân quyền theo quy định của Bộ, Bộ Nội vụ.  - Các văn bản chỉ đạo liên quan  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 4.3.2 Hoàn thiện các quy định về điều kiện đảm bảo thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước lĩnh vực được giao | Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 và các văn bản, chỉ đạo của Bộ về thực hiện phân cấp, phân quyền, các đơn vị ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản để hoàn thiện quy định về quy hoạch, tiêu chuẩn, tiêu chí, điều kiện, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế kiểm soát giá, phí dịch vụ công thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý.  - Nếu có ban hành các quy định thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu không ban hành thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo về các nội dung phân cấp, phân quyền theo quy định của Bộ, Bộ Nội vụ.  - Các văn bản chỉ đạo liên quan  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 4.3.3. Thanh tra, kiểm tra đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị đã được phân cấp cho địa phương | - Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5;  - Nếu không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0. | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước được giao  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 4.3.4. Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra | Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm…). Nếu tỷ lệ này đạt:  - 100% thì điểm đánh giá là 1.0  - Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0. | - Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra dối với lĩnh vực đã phâ cấp.  - Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 4.4.1 Hướng dẫn quy định về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện | - Thực hiện đầy đủ, kịp thời thì đánh giá là 1.0  - Thực hiện không đầy đủ, kịp thời thì đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị  - Các văn bản hướng dẫn, góp ý Dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, huyện.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 5.1.1. Thực hiện hướng dẫn về vị trí việc làm theo quy định của Bộ, Bộ Nội vụ | - Thực hiện đúng quy định thì đánh giá là 0.5  - Thực hiện không đúng thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị  - Các văn bản hướng dẫn, báo cáo của các đơn vị trực thuộc về vị trí việc làm.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 5.1.2. Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của tổ chức thuộc phạm vi quản lý | - Thực hiện đầy đủ, kịp thời thì đánh giá là 1.0  - Thực hiện không đầy đủ, kịp thời thì đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 5.1.3. Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | Tính tỷ lệ % số công chức thuộc đơn vị được bố trí đúng theo vị trí việc làm so với tổng số biên chế hiện có của đơn vị. Nếu tỷ lệ này đạt:  - 100% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 1.5  - Từ 80% - dưới 100% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 1.0  - Từ 60% - dưới 80% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0.5  - Dưới 60% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0 | - Báo cáo: CCHC năm của đơn vị  - Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ*;* Báo cáo tình hình sử dụng công chức, viên chức.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 5.1.4 Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | Tính tỷ lệ % số viên chức thuộc đơn vị được bố trí đúng theo vị trí việc làm so với tổng số biên chế hiện có của đơn vị sự nghiệp công lập. Nếu tỷ lệ này đạt:  - 100% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 1.5  - Từ 80% - dưới 100% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 1.0  - Từ 60% - dưới 80% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0.5  - Dưới 60% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm: 0 | - Báo cáo: CCHC năm của đơn vị  - Báo cáo về công tác tổ chức cán bộ*;* Báo cáo tình hình sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 5.2.1 Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại đơn vị | Yêu cầu: thực hiện tuyển dụng công chức tại các đơn vị phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ công chức và các văn bản hướng dẫn của Bộ, Bộ Nội vụ.  - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.  - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất (Nếu kỳ tuyển dụng gần nhất thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; Nếu có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu là 0; từ những năm sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0). | - Các văn bản, thông báo liên quan…  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 5.2.2 Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị | Yêu cầu: thực hiện tuyển dụng viên chức tại các đơn vị phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn của Bộ, Bộ Nội vụ.  - Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.  - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất (Nếu kỳ tuyển dụng gần nhất thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; Nếu có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu là 0; từ những năm sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0). | - Các văn bản, thông báo liên quan…  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TC. 5.3.1 Thực hiện quy định về bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý tại đơn vị | - Yêu cầu: Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.  - Thống kê danh sách số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm trong năm; danh sách lãnh đạo tại các tổ chức bên trong được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trong năm.  + Nếu 100% số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25; nếu 100% số lãnh đạo tại các tổ chức bên trong đơn vị được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định thì được CỘNG THÊM 0.25 điểm.  + Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng. | - Các quyết định bổ nhiệm;  - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm;  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TCTP 5.4 Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức | - Yêu cầu: Thống kê tổng số cán bộ, CCVC bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật  - Nếu trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0.75 điểm  - Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo các tổ chức bên trong của đơn vị bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá cộng thêm 0.75 điểm.  - Trong năm CÓ CÔNG CHỨC bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0 | - Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm;  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ TCCB |
|  | TC 5.5.1 Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức | Điểm đánh giá được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.**  Trong đó:  a là tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra theo kế hoạch năm  b là số chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành  Trường hợp tỷ lệ b/a<0.8 thì điểm số là 0 | - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của đơn vị  - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của đơn vị.  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 6.1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN) | Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.**  Trong đó:  a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch  b là số tiền đã giải ngân  Trường hợp tỷ lệ b/a<0.7 thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN hàng năm của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 6.1.2. Thực hiện quy định từ việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN | - Nếu không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá  - Các kết luận thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có)  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP. 6.1.3. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách | Thống kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách tại đơn vị trong 02 năm gần nhất (VD: Đánh giá cho năm 2023 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2022,2023).  Điểm đánh giá được tính theo công thức*:* **(b/a) \*điểm tối đa.**  Trong đó:  a là tổng số tiền phải nộp ngân sách  b là số tiền đã nộp ngân sách Đối với trường hợp các kết luận ban hành trong năm đánh giá nhưng có thời hạn thực hiện kéo dài đến các năm sau thì chỉ thống kê đánh giá những nội dung phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 3 của năm sau liền kề năm đánh giá. | - Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại đơn vị trong 02 năm gần nhất  - Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của đơn vị  - Hồ sơ tài liệu, chứng cứ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 6.2.1. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị | Yêu cầu: Đánh giá việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị thuộc phạm vi quản lý  - Nếu ban hành kịp thời, đúng quy định quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vịthì điểm đánh giá là 0.25  - Nếu 100% đơn vị thuộc, trực thuộc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định thì CỘNG THÊM 0.25điểm | - Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị và các đơn vị thuộc, trực thuộc |
|  | TCTP 6.2.2. Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công | - Nếu có kiểm tra thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: 0.25  - Nếu 100% đơn vị thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công thì CỘNG THÊM 0.25 điểm  - Nếu đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đầy đủ, kịp thời thì CỘNG THÊM 0.25 điểm | - Báo cáo kết quả thực hiện về quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP. 6.2.3. Thực hiện quy định về xắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý | Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản có liên quan.  Tính tỷ lệ % số cơ sở nhà đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Nếu tỷ lệ này đạt:  Từ 100% thì điểm đánh giá là 0.75  Từ 80 - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5  Từ 60%- dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.25  Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất kèm theo văn bản phê duyệt phương án sắp sếp lại, xử lý nhà, đất.  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 6.3.1. Đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí thường xuyên trong năm | - Nếu trong năm đánh giá, đơn vị CÓ TĂNG tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu trong năm đánh giá, KHÔNG TĂNG tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị hoặc báo cáo có thể hiện nội dung theo yêu cầu của tiêu chí.  - Các văn bản liên quan  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính |
|  | TCTP 6.3.2. Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại đơn vị | - Nếu không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị hoặc báo cáo có thể hiện nội dung theo yêu cầu của tiêu chí.  - Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có)  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 6.3.3. Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị SNCL so với năm 2021 | Tính điểm theo các bước sau:  (1) Tính tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN cho ĐVSNCL trong năm đánh giá so với năm 2021 theo công thức: **K= (a-b)/a\*100.**  Trong đó:  K là tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN cho ĐVSNCL trong năm đánh giá so với năm 2021  a là tổng số tiền chi trực tiếp NSNN cho ĐVSNCL năm 2021  b là tổng số tiền chi trực tiếp NSNN cho ĐVSNCL năm đánh giá.  (2) Tính điểm đạt được theo công thức: **(K/10)\*1.00**  Trường hợp K>10 thì điểm đánh giá là 1.0  Trường hợp K<10 thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Vụ Tài chính |
|  | TCTP 7.1.1 Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử theo quy định | - Yêu cầu: Triển khai thực hiện duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Bộ và Bộ Thông tin và Truyền thông.  - Nếu đã tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định: thì điểm đánh giá là 1.0. Nếu không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định: 0 | - Báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi của Vụ KHCN và Trung tâm CĐS và TKNN  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.1.2. Triển khai dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây | - Nếu đã triển khai và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định thì đạt điểm tối đa là 0.5 điểm. *Trường hợp đã triển khai nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật thì đạt 50%\* điểm tối đa.*  - Nếu đã kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo quy định thì CỘNG THÊM 0.5 điểm. | - Báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi của Vụ KHCN và Trung tâm CĐS và TKNN  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.1.3. Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) | Điểm đạt được tính theo công thức: ***(b/a) \*điểm tối đa.*** *Trong đó:*  *a là tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung*  *b là số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua LGSP* | - Báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi của Vụ KHCN và Trung tâm CĐS và TKNN  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.1.4. Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức | Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số dịch vụ dữ liệu có trên NDXP  b là số dịch vụ dữ liệu có trên NDXP được đưa vào sử dụng chính thức. | - Báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi của Vụ KHCN và Trung tâm CĐS và TKNN  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.2.1. Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng của đơn vị | Yêu cầu: Đánh giá tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng của đơn vị trong đó nếu:  - Tất cả các tổ chức bên trong có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt 100% thì điểm đánh giá là 1.0  - *Từ 80% - dưới 100% số văn bản, hồ sơ công việc trở lên: 0.75*  *- Từ 50%- dưới 80% số văn bản, hồ sơ công việc trở lên: 0.5*  *- Dưới 50% số văn bản, hồ sơ công việc trở lên: 0* | - Báo cáo CCHC của đơn vị và kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.2.2. Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử | - Nếu 100% tổ chức bên trong đã kết nối thì điểm đánh giá là 0.5  - Từ 50%- dưới 100% tổ chức bên trong đã kết nối thì điểm đánh giá là 0.25  - Dưới 50% tổ chức bên trong đã kết nối thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC của đơn vị và kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.2.3. Duy trì, vận hành Hệ thống báo cáo của đơn vị | Điểm đạt được của TCTP này là Tổng điểm đạt được của hai nội dung (1) và (2), cụ thể:  - (1) Duy trì, vận hành hệ thống thông tin báo cáo của đơn vị đảm bảo yêu quy định thì đạt điểm tối đa là 0.5 điểm. Trường hợp hệ thống chưa đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định thì đạt 50%\* điểm tối đa.  - (2) Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở ữ liệu chuyên ngành của đơn vị với Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, Chính phủ  Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu yêu cầu phải kết nối  b là số lượng, chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu đã kết nối, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. | - Báo cáo CCHC của đơn vị và kết quả theo dõi của Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.3.1 Trang thông tin điện tử của đơn vị đáp ứng yêu cầu, chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định | - Nếu Trang thông tin điện tử của đơn vị đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định thì đạt 0.25 điểm.  - Nếu đã thực hiện đổi sang công nghệ Ipv thì CỘNG THÊM 0.25 điểm. | - Báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Trung tâm CĐS và TKNN, Vụ KHCN và MT  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.3.3 Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC | - Nếu đã thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu đã thiết lập nhưng chưa đáp ứng đầy đủ tính năng theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu chưa thiết lập theo quy định thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC của đơn vị và kết quả theo dõi của Trung tâm CĐS và TKNN và Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.3.4 Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC | Yêu cầu: Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng 40% theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021  - Nếu tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng 40% thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng dưới 40% thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC của đơn vị và kết quả theo dõi của Trung tâm CĐS và TKNN và Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.3.5 Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình | - Nếu tỷ lệ số DVC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình đạt 100% thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu tỷ lệ trên đạt dưới 100% thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC của đơn vị và kết quả theo dõi của Trung tâm CĐS và TKNN và Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.3.6 Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình | Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm gồm cả trực tuyến và không trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình đơn vị đang cung cấp)  b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình đang cung cấp của đơn vị (không sử dụng bản giấy) | - Báo cáo CCHC của đơn vị và kết quả theo dõi của Trung tâm CĐS và TKNN và Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.3.7 Thực hiện thanh toán trực tuyến | Điểm đạt được của tiêu chí này là Tổng điểm đạt được của 3 nội dung (1), (2) và (3), cụ thể:  - (1) Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0.5  Tính điểm theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính  b là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến  - (2) Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0.5  Tính điểm theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến  b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến  - (3) Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 0.5  Tính theo công thức: **(b/a)\*điểm tối đa.** Trong đó:  a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá  b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến | - Báo cáo CCHC của đơn vị và kết quả theo dõi của Trung tâm CĐS và TKNN và Văn phòng Bộ  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.4.1 Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý giải quyết, trả kết quả điện tử đúng hạn theo quy định trên Cơ chế MCQG | Điểm đạt được tính theo công thức: **(b/a) \*điểm tối đa.**  Trong đó:  a là tổng số hồ sơ TTHC (điện tử) đã xử lý, giải quyết trong năm  b là số hồ sơ TTHC đã xử lý giải quyết, trả kết quả điện tử đúng hạn  Trường hợp tỷ lệ b/a <0.95 thì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi của Văn phòng Thường trực CCHC  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.4.2 Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả theo cơ chế MCQG | - Nếu 100% hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả điện tử theo quy định cơ chế MCQG thì điểm đánh giá là 1.0  - Nếu từ 80% - dưới 100% hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả điện tử theo quy định cơ chế MCQG thì điểm đánh giá là 0.75  - Nếu từ 50% - dưới 80% hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả điện tử theo quy định cơ chế MCQG thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu dưới 50% hồ sơ TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả điện tử theo quy định cơ chế MCQG thì điểm đánh giá là 0.25 | - Báo cáo CCHC của đơn vị  - Kết quả theo dõi của Văn phòng Thường trực CCHC  - TLKC khác (nếu có) |
|  | TCTP 7.5. Duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 theo quy định | Yêu cầu: Thực hiện duy trì, cải tiến ISO 9001: 2015 theo quy định.  - Nếu duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5  - Nếu thực hiện đánh giá nội bộ theo quy địnhthì điểm đánh giá là 0.25 điểm  - Nếu triển khai thực hiện ISO điện tử thì CỘNG THÊM 0.25 điểm.  - Nếu không thực hiện đúng quy địnhthì điểm đánh giá là 0 | - Báo cáo CCHC của đơn vị (có nội dung báo cáo ISO 9001:2015)  - Kết quả theo dõi của Văn phòng Thường trực CCHC  - TLKC khác (nếu có) |